TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2020/HS-ST
Ngày 10/8/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng T

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt A

Bà Nguyễn Thị B

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thanh H - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Ngọc M, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020. Tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 252/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ** – Sinh năm: 1986 tại Nam Định; HKTT: xã T, huyện V, tỉnh N; Chỗ ở: ngách 1277/134/7 G, tổ 10, phường T, quận H, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên bố: Nguyễn Văn C(sinh năm 1960); Họ và tên mẹ: Bùi Thị H (sinh năm 1961); Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 2; Họ và tên vợ: Bùi Thị Trang (sinh năm 1989); Có 02 con sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: 02 tiền án.

+ Bản án số 54/2014/HSST ngày 27/11/2014, Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản – Nam Định xử phạt 36 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản (chưa xóa án tích).

+ Bản án số 26/2017/HSST ngày 22/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (chưa xóa án tích).

Nhân thân: Bản án số 09/2010/HSST ngày 30/6/2010, Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản , tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 19 tháng 12 ngày về tội Trộm cắp tài sản (đã xóa án tích).

Bị tạm giữ từ ngày 29/4/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – CATP Hà Nội. Có mặt.

* Người bị hại: Ông Trịnh Ánh B – sinh năm 1964; Trú tại: Tổ 20, phường T, quận H, Hà Nội. Vắng mặt.

- Anh Thái Doãn H – sinh năm 1986; HKTT: Thị trần Nông trường M, huyện M, tỉnh S.

Trú tại: Số 1277 Giải Phóng, Tổ 10, phường T, quận H, Hà Nội. Vắng mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Trần Thị S – sinh năm 1989; Trú tại: 1271 Giải Phóng, phường T, quận H, Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 0h30 ngày 28/4/2020, Nguyễn Văn Đ đến bãi xe Đại Phát (tổ 21 P.Thịnh Liệt) do ông Trịnh Ánh B (sinh năm : 1964, HKTT : Thịnh Liệt, H, Hà Nội – là chủ bãi xe), dùng kìm mang theo từ trước cắt tấm tôn phía sau bãi xe, đi vào bãi xe trộm cắp 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha màu vàng đen, BKS 29A1 - 03166, 01 máy bắn bu lông và 01 máy khoan bê tông. Ngày 28/4/2020, Đ bán máy bắn bu lông và máy khoan bê tông cho chị Trần Thị S (Sinh năm: 1989, HKTT: xã Xuân Hồng, X, N) - là người thu mua đồng nát ở địa chỉ 1271 đường Giải Phóng được 300.000đồng. Khoảng sáng ngày 29/4/2020, Đ đã tháo BKS 29A1 - 03166 của chiếc xe máy trộm cắp được để ở phòng trọ, sau đó dắt xe máy trộm cắp đến cửa hàng sửa xe của anh Thái Doãn H (Sinh năm: 1986) ở tổ 10 P.Thịnh Liệt để sửa xe. Khi đó, anh Hưng nhận ra đây là xe anh Hưng gửi ở bãi xe Đại Phát, trước đây anh Hưng được một người có tài khoản facebook "Minh Tú" nhờ sửa chiếc xe trên khoảng tháng 11/2019 (anh H không quen biết, hai bên chỉ liên hệ qua tin nhắn facebook, không có số điện thoại). Sau đó, anh H trình báo CAP Thịnh Liệt sự việc trên. Khoảng 14h30 ngày 29/4/2020, Công an phường Thịnh Liệt mời anh H và Đ về trụ sở làm việc.

Cơ quan Công an tạm giữ của Nguyễn Văn Đ 01 xe máy phân khối lớn hiệu Yamaha không BKS, số khung 003387 ; số máy 503809 màu đen vàng đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động Nokia số Imei : 354205108980217 đã qua sử dụng và số tiền 500.000đồng.

Ngày 29/4/2020, ông Trịnh Ánh B đã đến Công an phường Thịnh Liệt trình báo

Ngày 30/4/2020, cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận H đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn Đ tại tổ 10 Thịnh Liệt, H, Hà Nội, thu giữ của Nguyễn Văn Đ 01 xe máy kiểu dáng Wave màu đỏ không BKS số khung 016128 ; số

máy 016128 đã qua sử dụng, 01 BKS 29A1 – 03166 và 01 kìm bằng kim loại cán cao su màu đỏ đen.

Cơ quan Công an tạm giữ của chị Trần Thị S 01 máy hơi dạng máy bắn bu lông bằng kim loại đã hỏng không sử dụng được.

Ngày 30/4/2020, Nguyễn Văn Đ bị bắt theo Lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp số 53 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận H, Nguyễn Văn Đ khai nhận hành vi Trộm cắp tài sản của mình.

Theo bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 99/HĐĐG ngày 15/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận H kết luận:

+ 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha màu đen vàng, số khung 003327; số máy 503804 đã qua sử dụng trị giá: 30.000.000 đồng.

+ 01 máy hơi bắn bu lông bằng kim loại, đã hỏng không sử dụng được có giá trị 50.000 đồng.

+ 01 máy khoan bê tông có tay cầm và thân màu cam – đen có giá trị: 100.000đồng.

Tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn Đ trộm cắp là 30.150.000đồng.

Tại Bản cáo trạng số 252/CT-VKS-HM ngày 16 tháng 7 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân quận H truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 36 đến 40 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 kìm kim loại có cán cao su màu đỏ đen bị cáo dùng làm công cụ phạm tội do không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu phát mại sung Ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô kiểu dáng phân khối lớn, nhãn hiệu Yamaha màu đen vàng, số khung 003327, số máy 503804 cùng biển kiểm soát 29A1-03166.

Tịch thu số tiền 300.000 đồng của bị cáo là do phạm tội mà có để sung công quỹ Nhà nước.

Trả lại bị cáo 200.000 đồng và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Trong quá trình điều tra, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân quận H, tại phiên tòa bị cáo đều không có tranh luận gì với luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận tội và đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo bị truy tố:

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng đã thu giữ cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 0h30 ngày 28/4/2020, tại bãi gửi xe Đại Phát ở tổ 30A Thịnh Liệt, H, Hà Nội, Nguyễn Văn Đ đã trộm cắp 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha màu đen vàng, số khung 003327; số máy 503804 đã qua sử dụng trị giá 30.000.000đồng, 01 máy hơi bắn bu lông bằng kim loại, đã hỏng không sử dụng được có giá trị 50.000đồng và 01 máy khoan bê tông có tay cầm và thân màu cam – đen có giá trị: 100.000đồng của ông Trịnh Ánh B.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo phạm tội khi chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm; vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã vi phạm nguyên tắc tôn trọng quyền tự định đoạt về tài sản của chủ sở hữu. Do vậy cần phải có biện pháp xử lý bằng pháp luật hình sự đối với bị cáo mới đủ điều kiện giáo dục răn đe các bị cáo nói

riêng và có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung nhằm góp phần bảo đảm an toàn xã hội.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ có nhân thân rất xấu, đã được cơ quan pháp luật giáo dục nhiều lần nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân, để có tiền tiêu sài cá nhân mà không phải mất sức lao động bị cáo tiếp tục phạm tội, thể hiện bị cáo là kẻ coi thường pháp luật. HĐXX xét thấy cần phải có mức hình phạt tù nghiêm khắc đối với bị cáo, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian cải tạo thành công dân chấp hành pháp luật; Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về hình phạt bổ xung: Đối với tội Trộm cắp tài sản, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS. Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 kìm kim loại có cán cao su màu đỏ đen bị cáo dùng làm công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên HĐXX tuyên tịch thu tiêu hủy.

Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra có thu giữ của bị cáo số tiền 500.000 đồng, trong đó 300.000 đồng là tiền bị cáo bán máy bắn bu lông và máy khoan bê tông cho chị Sen, chị Sen không yêu cầu nhận lại số tiền này. HĐXX xét thấy đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước, số tiền 200.000 đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội nên HĐXX trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Đối với 01 điện thoại di động Nokia số Imei 35420518980217 đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo, quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả cho ông Bùi Ngọc Hòa (là chú của bị cáo), tại phiên tòa bị cáo nhất trí với việc trao trả này, bị cáo không có ý kiến gì. Do đó HĐXX không đề xét.

Đối với 01 xe máy phân khối lớn hiệu Yamaha không BKS, số khung 003327 ; số máy 503804 màu đen vàng đã qua sử dụng, qua xác minh đăng ký chính chủ mang tên anh Nguyễn Đức T (sinh năm: 1995; Chỗ ở: P906 CT12B Kim Văn, Kim Lũ, Đại Kim, H, Hà Nội). Anh T khai, mua chiếc xe trên từ năm 2016, xe màu sơn xanh trắng, có số khung: MH3RH0760FK001131; số máy: H402E0014611, BKS: 29A1 – 03166. Đến năm 2017, anh T đã bán lại cho người không quen biết. Qua tra cứu, chiếc xe máy có số khung trùng với số xe máy vật chứng. Tiến hành giám định số khung số máy là số đóng lại, không xác định được số khung số máy nguyên thủy của xe.

Anh Thái Doãn H – là chủ cửa hàng xe máy khai, vào khoảng tháng 11/2019, có 01 nam thanh niên có nick facebook là "Minh Tú" liên lạc và mang xe máy trên đến cửa hàng nhờ sửa. Do chưa có phụ tùng thay thế nên ngày 21/01/2020, anh Hưng mang xe đến bãi xe Đại Phát để gửi. Ông Trịnh Ánh B – là bảo vệ khai phù hợp với anh Hưng. Anh H trình bày không biết tên tuổi, địa chỉ của nam thanh niên nhờ sửa xe máy trên. Ngày 19,20,21/6/2020, cơ quan Công an đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu của chiếc xe nhưng không có ai đến làm việc. Quá trình điều tra và trong giai đoạn xét xử anh Hưng đề nghị được nhận lại chiếc xe máy trên để sau này trả lại cho chủ sở hữu.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H đề nghị tịch thu phát mại sung Ngân sách Nhà Nước.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra đã xác định chiếc xe không nằm trong giữ liệu xe tang vật, xét đề nghị của anh H là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Đối với chị Trần Thị S - là người mua chiếc máy khoan bê tông và máy bắn bu lông, do không biết là tài sản do Đ trộm cắp mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quân H không xử lý là có căn cứ.

[5] Về dân sự: Ông Trịnh Ánh B đã nhận lại 01 máy bắn bu lông và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường 01 máy khoan bê tông nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Chị Sen không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 300.000 đồng đã bỏ ra mua máy khoan bê tông và mua máy bắn bu lông nên HĐXX không xét.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với 01 xe máy kiểu dáng Wave màu đỏ không BKS số khung 016128 ; số máy 016128 đã qua sử dụng thu giữ tại nơi ở của Đ, qua xác minh đăng ký chính chủ mang tên chị Vũ Thị H (sinh năm: 1981; HKTT: số 27 ngõ 47 Tổ 18 công ty xây lắp 1, Đ, L, Hà Nội). Chị Hệ khai mua chiếc xe trên từ năm 2004, sau đó đã bán lại cho người quen là chị Nguyễn Thị H, sau đó, chị H được biết là chị Hà đã đi Nhật Bản sinh sống. Qua tra cứu chiếc xe máy trên không có trong cơ sở dữ liệu xe tang vật. Tiến hành giám định số khung số máy là số nguyên thủy. Nguyễn Văn Đ khai đã lấy trộm chiếc xe trên tại trước xưởng mộc thuộc tổ 30C – T – H – Hà Nội) từ tháng 01/2020 và sử dụng làm phương tiện đi lại. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận H đã làm việc với Công an phường Thịnh Liệt và được cung cấp từ tháng 1/2020 đến nay không có ai đến trình báo bị mất xe máy có đặc điểm nêu trên. Cơ quan Công an đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu của chiếc xe nhưng không có ai đến làm việc. Cơ quan Công an đã ra quyết định tách tài liệu liên quan đến chiếc xe máy trên để điều tra làm rõ xử lý sau, nên HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

[7] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/4/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 kìm kim loại có cán cao su màu đỏ đen bị cáo dùng làm công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền do bị cáo phạm tội mà có.

Trả lại bị cáo 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Trả lại anh Thái Doãn Hưng 01 xe máy phân khối lớn hiệu Yamaha không BKS, số khung 003327; số máy 503804 màu đen vàng đã qua sử dụng cùng 01 biển kiểm soát 29A1-03166.

(Vật chứng, tài sản hiện đang lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục thi hành án quận H theo phiếu nhập vật chứng ngày 20/7/2020).

(Số tiền trên đã được cơ quan điều tra nộp vào tài khoản Chi cục thi hành án dân sự quận H).

4. Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những nội dung có liên quan trực tiếp đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng T

Nơi nhận:
- VKSND quận H.
- Những người tham gia tố tụng.
- Công an quận H.
- TAND thành phố Hà Nội
- Chi cục THA dân sự quận HM.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Thắm

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 ngày 10 tháng 8 năm 2020; Tại phòng nghị án Tòa án nhân

dân quận H, thành phố Hà Nội.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Anh, bà Nguyễn Anh Thư

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 252/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ** – Sinh năm: 1986 tại Nam Định; HKTT: xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định; Chỗ ở: ngách 1277/134/7 Giải Phóng, tổ 10, phường Thịnh Liệt, quận H, Hà Nội. Nghề nghiệp: Tự do

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1.Về điều luật áp dụng:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: 3/3 ý kiến

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/4/2020.

Biểu quyết: 3/3 ý kiến

3. Các vấn đề khác:

- Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

-Tiếp tục tạm giam bị cáo với thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

- Xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 kìm kim loại có cán cao su màu đỏ đen bị cáo dùng làm công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền do bị cáo phạm tội mà có.

Trả lại bị cáo 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Trả lại anh Thái Doãn Hưng 01 xe máy phân khối lớn hiệu Yamaha không BKS, số khung 003327 ; số máy 503804 màu đen vàng đã qua sử dụng.

(Vật chứng, tài sản hiện đang lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục thi hành án quận H theo phiếu nhập vật chứng ngày 20/7/2020).

(Số tiền trên đã được cơ quan điều tra nộp vào tài khoản Chi cục thi hành án dân sự quận H).

- Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những nội dung có liên quan trực tiếp đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Biểu quyết: 3/3 ý kiến

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 8 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

CÁC THÀNH VIÊN HĐXX	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
	Nguyễn Thị Hồng Thắm